TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TX THÀNH PHỐ HN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 582/2020/QĐST-HNGĐ	*HN, ngày* 08 *tháng* 10 *năm* 2020.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 356/2020/TLST/HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2020, giữa:

1. ***Nguyên đơn***: ***Bà Triệu Phương T***, sinh năm 1986; Địa chỉ cư trú: Căn 1802 Tòa C, chung cư VĐ- NC, quận TX, thành phố HN;

2. ***Bị đơn***: ***Ông Trương Vĩnh T***, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú hiện nay: Căn 1802 Tòa C, chung cư VĐ - NC, quận TX, thành phố HN;

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 9 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

1. ***Nguyên đơn***: ***Bà Triệu Phương T***, sinh năm 1986

Địa chỉ cư trú: Căn 1802 Tòa C, chung cư VĐ - NC, quận TX, thành phố HN;

2. ***Bị đơn***: ***Ông Trương Vĩnh T***, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú hiện nay: Căn 1802 Tòa C, chung cư VĐ - NC, quận TX, thành phố HN;

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Triệu Phương T và ông Trương Vĩnh T thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: Bà Triệu Phương T và ông Trương Vĩnh T có 02 con chung là Trương Triệu Quốc A, sinh ngày 12.8.2015 và Trương Triệu Quang A, sinh ngày 06.9.2016;

Giao con chung Trương Triệu Quốc A cho ông Trương Vĩnh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung Trương Triệu Quang A cho bà Triệu Phương Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Hai bên được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà Triệu Phương T và ông Trương Vĩnh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản của ông Trương Vĩnh T do ông Trương Vĩnh T rút yêu cầu. Các bên có quyền khởi kiện lại yêu cầu chia tài sản bằng vụ án khác.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Triệu Phương T chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của ông Trương Vĩnh T phải chịu, tổng án phí của vụ án là 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng đã nộp tại biên lai số 000370 ngày 15.7.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố HN. Bà Triệu Phương T được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi ngàn) đồng.

Hoàn trả ông Trương Vĩnh T số tiền 51.000.000 đồng (năm mươi mốt triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lại số 0000439 ngày 10.8.2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận TX, thành phố HN.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND nơi đăngký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố HN).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).